

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục và Quy trình thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 80/SNNMT-TCCB ngày 07/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 (một) thủ tục hành chính (TTHC) ban hành mới; 06 (sáu) TTHC được sửa đổi, bổ sung và 01 (một) TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh căn cứ các TTHC ban hành kèm theo Quyết định này trong

thời hạn 03 ngày làm việc công khai, địa phương hóa các TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (csdl.dichvucong.gov.vn); xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành nông nghiệp và môi trường để áp dụng thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế Danh mục các TTHC số thứ tự 01 mục A, số thứ tự 01, 02, 04, 05, 07 mục B tại Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 07/7/2025; số thứ tự 01 tại Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, KH và CN;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HCC₃.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Huy Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM
NGHIỆP, KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. TTHC BAN HÀNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn	Không	- Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	3.000198	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn.	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Bình tuyển, công nhận cây đầu dòng, cây trội (cây mẹ): + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ bưu chính: 2.400.000 đồng/01 lần bình tuyển, công nhận (Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND); + Nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng: 1.200.000 đồng/lần bình tuyển, công nhận (Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND).	- Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; - Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. - Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. - Nghị quyết số 172/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số

					- Bình tuyển, công nhận rừng giống, vườn giống cây lâm nghiệp, vườn cây đầu dòng: + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: 6.000.000 đồng/01 lần bình tuyển, công nhận (Nghị quyết 101/2023/NQ-HĐND); + Nếu nộp hồ sơ trên môi trường mạng: 3.000.000 đồng/lần bình tuyển, công nhận (Nghị quyết 101/2023/NQ-HĐND).	khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây	3.000179	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp

	trồng lâm nghiệp ¹					và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	Nộp tiền trồng rừng thay thế	1.007916	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án; 27 ngày làm việc đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác	Như trên	Không	- Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban

¹ Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân không thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý

						hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Xác nhận bằng kê lâm sản	1.000045	- Trường hợp không phải xác minh: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp: trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên
5	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động	1.004819	- Trường hợp 1: Không cần kiểm tra thực tế, 03 ngày làm	Như trên	Không	- Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông

	vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES		việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp 2: Cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp 3: + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp 4: Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I			ng nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	--	--	---	--	--	--

			CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES).			
6	<i>Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES</i>	3.000496	- Trường hợp 1: Không cần kiểm tra thực tế, 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp 2: Cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp 3: + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam	Như trên	Không	- Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức

			đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp 4: Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES).			năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	--	--	---	--	--	--

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm	3.000180	- Khoản 8, Điều 9, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực			

	nghiệp do bị mất, bị hỏng		lâm nghiệp và kiểm lâm; - Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	------------------------------	--	---